

Bản án số: 603/2018/DS-ST

Ngày: 13-6-2018

V/v tranh chấp “Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kiên Hiền
2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trinh – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hồng – Kiểm Sát Viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1344/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “*Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2018/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên A;
Trụ sở: Tầng 2, toà nhà M, Phường N, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Nguyễn Quang Tuấn, sinh năm 1991;
Địa chỉ: lầu 5, số 101 Nguyễn Văn Thủ, phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 13/UQTA-QTRR.17 ngày 25/9/2017).

2.Bị đơn: Ông B, sinh năm 1974;

Địa chỉ: 139 đường X, Phường Y, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên A trình bày:

Ngày 14/09/2015, ông B thỏa thuận ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150914-500000-0288 với Công Ty Tài Chính trách nhiệm

hữu hạn một Thành Viên A (từ đây gọi là Công ty) để vay số tiền 52.750.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 2.92%/tháng, mục đích là tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, ông B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty số tiền 85.883.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm trong 36 tháng, mỗi tháng trả 2.387.000 đồng, kỳ thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/10/2015.

Sau khi nhận đủ số tiền vay, ông B đã thanh toán cho Công ty được 12 lần với tổng số tiền 28.644.000 đồng. Kể từ ngày 13/10/2016, ông B không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào nữa cho Công ty. Do ông B đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ nên Công ty khởi kiện yêu cầu ông B thanh toán số tiền còn nợ là 57.239.000 đồng trong đó bao gồm nợ gốc là 40.765.508 đồng, lãi: 16.473.492 đồng và trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai và trong quá trình xét xử, bị đơn ông B trình bày:

Ông B thừa nhận về việc ký hợp đồng tín dụng, số tiền vay và khoản nợ còn thiếu như trình bày của Công ty là đúng. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty, ông B đồng ý trả số tiền gốc và lãi là 57.239.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: các đương sự đã chấp hành qui định pháp luật và Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì yêu cầu của nguyên đơn Công ty là có cơ sở. Do đó Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:*

[3] Nguyên đơn Công Ty Tài Chính trách nhiệm hữu hạn một Thành Viên A khởi kiện, yêu cầu ông B trả tiền nợ theo Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng nên đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Do bị đơn ông B có địa chỉ tại Quận 3 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5] *Về tố tụng:*

[6] Bị đơn ông B có đơn yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án xét xử nên căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[7] Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực ngày 01/01/2017 quy định về điều khoản chuyển tiếp như sau:”c) *Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực này mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết;*”

[8] Do Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150914-500000-0288 được ký vào ngày 14/9/2015 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết.

[9] *Về yêu cầu của đương sự:*

[10] Nguyên đơn Công ty yêu cầu Tòa án buộc ông B phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến ngày 01/10/2017 là 57.239.000 đồng trong đó bao gồm nợ gốc là 40.765.508 đồng, lãi là 16.473.492 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[11] *Về nợ gốc:*

[12] Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150914-500000-0288 ngày 14/9/2015 thể hiện ông B vay Công ty số tiền 52.750.000 đồng, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân.

[13] Căn cứ các bản tự khai, các bên đương sự đều xác nhận vào ngày 14/9/2015 ông B ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150914-500000-0288 với Công ty để vay số tiền 52.750.000 đồng, với lãi suất 2.92%/tháng, mục đích là tiêu dùng cá nhân. Sau khi nhận tiền, ông B đã thanh toán cho Công ty 12 lần với số tiền là 28.644.000 đồng. Từ ngày 13/10/2016, ông B không còn thanh toán tiền cho Công ty. Tính đến nay, ông B xác nhận

còn nợ Công ty tiền gốc và lãi là 57.239.000 đồng trong đó bao gồm nợ gốc là 40.765.508 đồng, lãi là 16.473.492 đồng.

[14] Từ những căn cứ trên và việc xác nhận nợ của ông B, Hội đồng xét xử đã có đủ chứng cứ xác định ông B có vay Công ty số tiền 52.750.000 đồng và đã trả 28.644.000 đồng (tiền gốc và lãi), tiền nợ gốc còn lại là 40.765.508 đồng.

[15] Tại khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định về trường hợp chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ như sau:

“1. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng.”

[16] Do ông B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nên Công ty chấm dứt việc cấp tín dụng và thu hồi nợ trước hạn khoản cấp tín dụng chưa thanh toán đối với ông B là phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[17] *Về nợ lãi*: nguyên đơn Công ty yêu cầu ông B thanh toán tiền lãi tạm tính đến ngày 01/10/2017 là 16.473.492 đồng.

[18] Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20141112-500000-0069 ngày 03/11/2014, các bên thỏa thuận lãi suất là 2.92%/tháng.

[19] Tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định:

“2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.”

Do đó, việc các bên thỏa thuận về lãi suất tại hợp đồng tín dụng là hoàn toàn phù hợp. Công ty yêu cầu ông B thanh toán tiền lãi tạm tính đến ngày 01/10/2017 là 16.473.492 đồng, là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[20] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty, buộc bị đơn ông B phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến ngày 01/10/2017 là 57.239.000 đồng trong đó bao gồm nợ gốc là 40.765.508 đồng, lãi là 16.473.492 đồng.

[21] *Về thời hạn thanh toán*: nguyên đơn Công ty yêu cầu bị đơn ông B trả số tiền nợ nêu trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[22] Xét, tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở

chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn ông B có nghĩa vụ trả số tiền 57.239.000 đồng một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[23] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của nguyên đơn Công ty được chấp nhận nên bị đơn ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.861.950 đồng.

[24] Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Công ty số tiền 1.430.975 đồng theo biên lai thu số 0019632 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 290, 471, 474 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công Ty Tài Chính trách nhiệm hữu hạn một Thành Viên A:

1.1. Buộc ông B phải trả cho Công Ty Tài Chính trách nhiệm hữu hạn một Thành Viên A số tiền là 57.239.000 đồng, bao gồm:

+ Nợ gốc : 40.765.508 đồng.

+ Lãi : 16.473.492 đồng (tính đến hết ngày 01/10/2017)

Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Ông B còn tiếp tục chịu lãi suất trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận được quy định tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20141112-500000-0069 ngày 03/11/2014, kể từ ngày 01/10/2017 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông B chịu 2.861.950 đồng.

2.2. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Công Ty Tài Chính trách nhiệm hữu hạn một Thành Viên A số tiền 1.430.975 đồng theo biên lai thu số 0019632 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Công Ty Tài Chính trách nhiệm hữu hạn một Thành Viên A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án.

Ông B có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.3;
- Chi cục THA DS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Hồng Anh

